

Số: /TTYT- KD

Vv đề nghị báo giá TTBYT gồm:
Hệ thống phẫu thuật nội soi; Máy chạy thận nhân tạo và Hệ thống lọc nước RO dùng cho chạy thận nhân tạo; Nồi hấp tiệt trùng trung tâm ruột khối hình trụ tròn cửa tay quay 300 lít;

Lạng Giang, ngày 17 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Biên bản Hội đồng mua sắm ngày 16/10/2023 về việc thống nhất kế hoạch, nhu cầu, danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật của các trang thiết bị y tế thuộc gói thầu đề nghị mua sắm phục vụ công tác chuyên môn của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang;

Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán gói thầu: “Mua sắm trang thiết bị y tế năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang gồm: Hệ thống phẫu thuật nội soi; Máy chạy thận nhân tạo và hệ thống xử lý nước RO dùng trong chạy thận nhân tạo; Nồi hấp tiệt trùng trung tâm ruột khối hình trụ tròn cửa tay quay 300 lít” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Ông/ Bà: Hà Văn Vỹ
 - Chức vụ: Phó trưởng khoa Dược- VTTBYT
 - Số điện thoại: 0974 148 620
- Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Hình thức gửi báo giá: Bản cứng và bản mềm quét PDF (đã đóng dấu và gửi qua email).

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư hoặc Khoa Dược – VTTBYT, Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang (địa chỉ: Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang)

- Nhận qua email: Havybvlg@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 17 tháng 10 đến trước 15h ngày 27 tháng 10 năm 2023

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 100 ngày kể từ ngày báo giá;

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế gồm: *(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

2. Địa điểm cung cấp: Hàng hóa được vận chuyển, bàn giao, nghiệm thu tại Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang – Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang – Thị Trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Việc thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là 01 lần khi hoàn thành việc lắp đặt vận hành.

- Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 90 ngày kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế.

5. Các thông tin khác:

- Tài liệu có liên quan về hàng hóa báo giá (nếu có) gồm:

+ Sổ lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu phù hợp với trang thiết bị y tế báo giá theo quy định của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [98/2021/NĐ-CP](#) ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

+ Thông tin kê khai giá hoặc niêm yết giá và đường Link tra cứu (nếu có);

+ Hợp đồng cung cấp hàng hóa chào giá trong thời gian không quá 90 ngày tính đến thời điểm báo giá (nếu có);

- Tài liệu khác.

Đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam quan tâm báo giá./.

Nơi nhận:

- Công TT đơn vị;

- Lưu: VT, KD, HSĐT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Mạnh

Phụ lục 1

DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số: /TTYT- YCBG ngày 17 tháng 10 năm 2023)

(Phụ lục 1.a)

1. Hệ thống phẫu thuật nội soi

TT	Tên TTBYT	Mô tả thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	Hệ thống phẫu thuật nội soi	<ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu chung:- Năm sản xuất: 2022 trở về sau- Tình trạng: Mới 100%- Điện áp cung cấp: 220V, 50 Hz- Có mã truy xuất nguồn gốc	Hệ thống	01
I	HỆ THỐNG MÁY CHÍNH			
1		Bộ xử lí hình ảnh full HD TELECAM C3,	Chiếc	1
		<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Máy chính (TC100): 01 chiếc- Bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ <p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tương thích với nhiều loại đầu camera và ống soi video khác nhau- Hai cổng kết nối camera khác nhau, chuyển đổi được giữa các loại camera khác nhau thông qua giáp điện sử dụng trực quan- Hỗ trợ kết hợp giữa ống soi cứng và ống soi mềm, cả ống soi mềm dùng một lần lẫn ống soi mềm dùng nhiều lần- Mô-đun xử lí hình ảnh hỗ trợ:<ul style="list-style-type: none">+ Xoay hình 180 độ+ Lật ảnh gương+ Tính năng ảnh trong ảnh (picture in picture)- Điều chỉnh được độ sáng của hình ảnh- Có bộ lọc dành cho ống soi mềm fiber- Phóng đại Kỹ thuật số 4 mức (1.25x, 1.5x, 1.75x, 2.0x)- Ghi/chụp hình ảnh lên USB- Hệ thống dữ liệu bệnh nhân được bảo mật <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none">- Độ phân giải: Tối đa 1920 x 1080 pixel- Cổng tín hiệu ra: 2x DVI-D- Có 05 cổng USB 2.0- Chụp hình ở định dạng JPEG- Ghi Video ở định dạng MPEG-4- Dung lượng bộ nhớ trong: 50 Gb- Cấp độ chống ẩm: IPX0		

2		<p>Đầu camera Full HD 1 chip IMAGE1 S HX</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu camera Image1 S HX có thể sử dụng với cả hai tần số 50Hz và 60Hz - Cảm biến hình ảnh 1 chip CMOS, 1/3" - Độ phân giải hình ảnh: 1920 x 1080 pixels - Tiêu cự của đầu camera f = 16 mm - Độ nhạy ánh sáng tối thiểu F1.4/1.4 lux - Có 2 phím chức năng đầu camera có thể gán chương trình - Đầu camera có thể ngâm hoặc tiệt trùng bằng khí gas, plasma - Tích hợp đầu nối để kết nối với ống soi và dụng cụ - Tích hợp vòng chỉnh nét trên đầu camera - Trọng lượng 130g - Chiều dài cáp nối 300 cm (3m) 	Chiếc	1
3		<p>Nguồn sáng lạnh nội soi POWER LED 175 SCB, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính (20161420): 01 chiếc - Bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ <p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bóng đèn công nghệ LED hiệu suất cao, cung cấp ánh sáng tự nhiên - Tự nhớ mức cài đặt cường độ sáng cuối cùng sau khi bấm nút tạm nghỉ (stand-by) <p>Có tín hiệu báo động bằng âm thanh và ánh sáng khi có lỗi và tự động ngừng hoạt động khi nhiệt độ máy tăng quá cao</p> <p>Có tính năng tự kiểm tra (self-test), tạm dừng (stand-by)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ ồn thấp giúp phòng mổ đặc biệt yên tĩnh - Tuổi thọ bóng đèn: 30,000 giờ - Tiết kiệm năng lượng nhờ khả năng điều chỉnh được cường độ sáng - Có cổng liên kết SCB để kết nối với hệ thống điều khiển trung tâm Karl Storz. - Nhiệt độ màu: 6400K - Điều chỉnh cường độ sáng: 20 bước 	Chiếc	1
4		<p>Dây dẫn sáng:</p> <p>Dài 250 cm, đường kính 4.8 mm</p>	Chiếc	1
5		<p>Màn hình full HD chuyên dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình công nghệ LCD với tấm nền IPS - Độ phân giải: 1920 x 1080 (full HD) - Chuẩn lắp đặt VESA 100x100mm - Phím điều khiển có đèn định hướng LED, có 3 phím chức năng trước mặt màn hình có thể tùy chỉnh cho các chức năng thường dùng - Thiết kế không dùng quạt tản nhiệt, giảm tiếng ồn - Có khả năng hiển thị hình ảnh với các chế độ hiển thị khác nhau: PIP (Picture-in-Picture), POP(Picture-out-Picture), xoay hình, lật hình đối xứng - Bề mặt phẳng dễ dàng vệ sinh khử khuẩn - Kích thước màn hình: 27 inch 	Chiếc	1

		<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước điểm ảnh: 0.3114mm - Tỷ lệ khung hình: 16:9 - Độ sáng: 300 cd/m² - Độ tương phản: 1000:1 - Góc nhìn: 178 độ (trái-phải, trên-dưới) - Tín hiệu đầu vào: RGB, DVI-D, SDI, HD15 - Tín hiệu đầu ra: DVI-D 		
6		<p>Máy bơm khí CO2 lưu lượng cao ENDOFLATOR 40, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính (UI400): 01 chiếc - Dây bơm khí dùng nhiều lần: 01 chiếc - Phin lọc khí dùng một lần, 25 chiếc/hộp: 01 hộp - Bộ phụ kiện lắp đặt tiêu chuẩn: 01 bộ <p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - ENDOFLATOR 40 là máy bơm khí được sử dụng trong các ứng dụng phẫu thuật nội soi ổ bụng, lồng ngực, đường tiêu hóa trên – dưới, đũa khí khi thực hiện phẫu thuật tim hở và nội soi, phẫu thuật lấy mạch nội soi. - Điều khiển bằng màn hình cảm ứng, kích thước 7” - Màn hình hiển thị các thông số sau: <ul style="list-style-type: none"> + Chế độ bơm khí, + Áp lực bơm thực tế - cài đặt, + Lưu lượng bơm thực tế - cài đặt, + Lượng khí tiêu thụ - Tự động điều chỉnh lưu lượng bơm tùy theo mức độ cản khí của dụng cụ - Chế độ bơm “PEDIATRIC” cho trẻ em giới hạn áp lực tối đa là 15 mmHg và lưu lượng bơm tối đa tới 15l/phút, kiểm soát điều chỉnh lưu lượng bơm chặt chẽ hơn - Thiết bị sử dụng hệ thống an toàn SECUVENT: theo dõi liên tục áp lực ổ bụng; giảm áp ngay khi có bất kỳ hiện tượng quá áp nào. - Báo động bằng tín hiệu âm thanh khi xảy ra quá áp và cảnh báo lỗi trên màn hình 303: High Pressure - Thiết bị tự động ghi nhớ thông số cài đặt của lần sử dụng gần nhất và hiển thị các thông số này khi khởi động lại máy - Có cổng KARL STORZ SCB để kết nối vào hệ thống tích hợp <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 chế độ bơm: HIGH-FLOW và PEDIATRIC - Hệ thống đo đặc/điều khiển điện tử - Lưu lượng bơm: 0.1 – 40 lít / phút - Áp lực bơm: 1 – 30 mmHg 	Bộ	1
7	-	<ul style="list-style-type: none"> - Là hệ thống bao gồm các chức năng cơ bản của dao mổ điện cao tần: đơn cực, lưỡng cực. Kết nối với các thiết bị ngoại vi như máy hút khói, máy argon... phục vụ các phẫu thuật như tai mũi họng, thần kinh, lồng ngực, ổ bụng, sản phụ khoa và tiết niệu. 	Chiếc	1

		<ul style="list-style-type: none"> - Màn hình cảm ứng LCD ≥ 6 inches, chia làm 3 vùng hiển thị các chức năng đơn cực, lưỡng cực - Sử dụng công nghệ cảm ứng mô hỗ trợ vận hành tất cả các chế độ của máy bằng khả năng tự động điều chỉnh dòng điện dựa trên việc kiểm tra liên tục sự thay đổi của trở kháng mô với tần suất ≥ 400.000 lần/giây - Có khả năng kích hoạt đồng thời hai dụng cụ trong cùng một thời điểm để cầm máu, có chỉ thị để báo hiệu một dụng cụ đang kích hoạt hay cả hai. - Có chức năng lưỡng cực tự động: cài đặt thời gian chờ trước khi hệ thống tự động kích hoạt năng lượng - Có chế độ cảnh báo bằng âm thanh và tín hiệu khi chưa kết nối hoặc kết nối chưa chuẩn xác tằm điện cực thu hồi. <p>Có cổng kết nối mạng và khả năng nâng cấp phần mềm</p>		
8		<p>Xe đẩy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 04 giá đỡ máy - Có 06 ổ cắm điện tiêu chuẩn - Bánh xe có khóa hãm 	Chiếc	1
II	BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT NỘI SOI Ổ BỤNG		Bộ	1.0
1		Ống kính soi HOPKINS, hướng nhìn 30 độ, đường kính 10 mm, chiều dài làm việc 31 cm, có thể tiệt trùng được ở nhiệt độ cao bằng hơi nước, sử dụng thấu kính hình gậy, thị kính có bọc sa-phia chống xước	Chiếc	1.0
2		Van trocar đa chức năng cỡ 11mm, có thể mở bằng tay hoặc mở tự động	Chiếc	2.0
3		Vỏ trocar, cỡ 11mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ, đầu vát chéo, có van bơm khí	Chiếc	2.0
4		Nòng trocar đầu sắc, cỡ 11 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ	Chiếc	1.0
5		Nòng trocar đầu tù, cỡ 11 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ	Chiếc	1.0
6		Van trocar đa chức năng cỡ 6 mm, có thể mở bằng tay hoặc mở tự động	Chiếc	2.0
7		Vỏ trocar cỡ 6mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ, đầu vát chéo, có van bơm khí	Chiếc	2.0
8		Nòng trocar đầu sắc, cỡ 6 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ	Chiếc	1.0
9		Nòng trocar đầu tù, cỡ 6 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ	Chiếc	1.0
10		Nắp cao su đầu trocar 11 mm	Chiếc	10.0
11		Nắp cao su đầu trocar 6 mm	Chiếc	10.0
12		Ống giảm, cho dụng cụ cỡ 5 mm khi dùng với trocar cỡ 11 mm	Chiếc	1.0
13		Nắp giảm khẩu kính, 11/5mm	Chiếc	1.0

14		Tay cầm Clickline, bằng nhựa, không khóa, có chân cắm đốt điện đơn cực	Chiếc	3.0
15		Tay cầm Clickline, bằng nhựa, có khóa kiểu MANHES, có chân cắm đốt điện đơn cực	Chiếc	2.0
16		Vỏ ngoài Clickline, bằng kim loại, có bọc cách điện, có đầu nối khóa Luer để tưới rửa vệ sinh. Cỡ 5 mm, dài 36 cm	Chiếc	5.0
17		Hàm forceps kẹp Clickline MANHES, phần hàm dụng cụ dài 14 mm, hoạt động đơn, nhiều răng nhỏ, chiều rộng 4.8 mm, để kẹp gấp chính xác và không gây tổn thương. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	Chiếc	1.0
18		Hàm forceps kẹp và phẫu tích Clickline Kelly, phần hàm dụng cụ dài 22 mm, hoạt động kép. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	Chiếc	1.0
19		Hàm forceps kẹp Clickline, phần hàm dụng cụ dài 26 mm, hoạt động đơn, có mở lỗ, có răng cưa nhỏ mịn, không gây tổn thương. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	Chiếc	1.0
20		Hàm forceps kẹp Clickline CROCE-OLMI, không tổn thương, cong, có mở lỗ, Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	Chiếc	1.0
21		Lưỡi kéo cong Clickline, phần hàm dụng cụ dài 20 mm, hoạt động kép, lưỡi có răng cưa, dạng thìa. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	Chiếc	1.0
22		Tay cầm TAKE-APART, dạng xỏ ngón, có chân cắm đốt điện lưỡng cực	Chiếc	1.0
23		Vỏ ngoài TAKE-APART, cho dụng cụ lưỡng cực, cỡ 5mm, chiều dài 33 cm	Chiếc	1.0
24		Vỏ trong TAKE-APART, cho dụng cụ lưỡng cực, cỡ 5mm, chiều dài 33 cm	Chiếc	1.0
25		Hàm kẹp lưỡng cực TAKE-APART, hàm bản rộng 3 mm, cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm	Chiếc	1.0
26		Điện cực phẫu tích và cầm máu, đầu hình chữ L, vỏ bọc cách điện, có chân cắm đốt điện đơn cực. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	Chiếc	1.0
27		Ống tưới hút, bề mặt chống lóa, có lỗ bên hông, van khóa điều khiển bằng một tay, cỡ 5 mm, dài 36 cm	Chiếc	1.0
28		Bộ dây nước, bằng silicone, tiệt trùng được	Chiếc	1.0
29		Kìm kẹp kim RASSWEILER, hàm thẳng, tay cầm thẳng trục có lỗ xỏ ngón và khóa hãm, dùng với chỉ cỡ 2/0 đến 4/0, kim cỡ SH và RB (của Ethicon). Cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm	Chiếc	1.0
30		Kìm kẹp clip cầm máu cỡ L,	Chiếc	1.0
31		Clip cầm máu cỡ L	Hộp	01
32		Dây cao tần đơn cực, chân cắm 4 mm, chiều dài 3 m	Chiếc	2.0
33		Dây cao tần lưỡng cực, chiều dài 3 m	Chiếc	2.0
34		Dầu tra dụng cụ, 50 ml, không chứa silicone	Lọ	1.0
35		Mỡ bôi trơn, dùng cho các van khóa	Chiếc	1.0

36		Kem vệ sinh, 5 g, dùng cho bề mặt kính ở đầu ống soi và đầu dây dẫn sáng	Tuýp	1.0
37		Bàn chải vệ sinh dụng cụ, dùng để cọ rửa hàm của dụng cụ	Chiếc	5.0
38		Hộp ngâm khử khuẩn dụng cụ, kích thước: 740 x 220 x 132 mm. Bao gồm: Hộp đựng, Khay đục lỗ, và Nắp đậy	Chiếc	2.0
39		Hộp tiệt trùng và bảo quản ống soi , bằng nhựa, đặc biệt phù hợp với máy Sterrad®, đục lỗ, có nắp đậy, kích thước phủ bì 446 x 90 x 45 mm, cho 2 ống soi cứng chiều dài đến 34 cm Mã số:	Chiếc	1.0
40		Hộp tiệt trùng và bảo quản dụng cụ, có đục lỗ, nắp trong suốt, có thảm silicone, kích thước: 515 x 237 x 65 mm	Chiếc	1.0

(Phụ lục 1.b)

2. Máy chạy thận nhân tạo và hệ thống lọc nước RO dùng trong chạy thận nhân tạo

STT	Danh mục hàng hoá, Mô tả thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	MÁY CHẠY THẬN NHÂN TẠO	Máy	10
1.1	Yêu cầu chung		
	- Hàng hóa mới 100%, sản xuất năm 2022 - 2023.		
	- Nguồn điện sử dụng phù hợp với điện áp Việt Nam: 220V/380V; 50Hz.		
1.2	Yêu cầu kỹ thuật		
1.2.1	Cấu hình tối thiểu		
	- Máy chính: 01 chiếc		
	- Bộ dây nối với dịch lọc A, B: 01 bộ		
	- Bộ dây nối với hệ thống nước RO: 01 bộ		
	- Bộ dây nối với hệ thống nước thải: 01 bộ		
	- Cọc đỡ dịch môi: 01 bộ		
	- Giá đỡ quả lọc: 01 cái		
	- Dây nguồn: 01 cái		
	- Que hút hoá chất tẩy trùng: 01 cái		
	- Màng lọc dịch siêu sạch: 01 màng lọc		
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 bộ		
1.2.2	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu		
	- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương của nhà sản xuất hàng hóa		

	- Có thể điều trị liên tục với lưu lượng dịch từ 0 đến ≥ 800 ml/phút hoặc tự động điều chỉnh lưu lượng dịch theo lưu lượng máu.		
	- Hiện thị các thông số và thông báo trên màn hình tối thiểu là màn hình màu đa sắc LCD.		
	- Tối thiểu có thể tự động kiểm tra các chức năng của máy trước mỗi ca điều trị; Tự động đưa dây máu vào và đưa dây máu ra từ bơm máu		
	- Tối thiểu có cảnh báo bằng âm thanh, hoặc đèn báo; Có hệ thống lọc dịch siêu sạch trước khi đi vào màng lọc; Có thiết bị theo dõi độ thanh thải trực tuyến Kt/V (OCM); Có pin dự phòng để duy trì bơm và lưu lại các dữ liệu khi điều trị		
	- Sử dụng phù hợp với tất cả các loại dịch lọc có trên thị trường và dịch bột khô đóng gói		
	- Tối thiểu có thể theo dõi áp lực động mạch; tĩnh mạch; xuyên màng		
	- Trộn dịch dùng hệ thống điều khiển bù cân bằng		
	- Kiểm soát siêu lọc bằng bơm siêu lọc		
	Nguồn nước cung cấp		
	- Áp lực đầu vào: Khoảng từ $\leq 1,5$ – đến $\geq 6,0$ bar.		
	- Lưu lượng: $\geq 1,3$ l/phút		
	- Nhiệt độ: Khoảng từ $\leq 5^{\circ}\text{C}$ – đến $\geq 30^{\circ}\text{C}$		
	Kết nối tối thiểu		
	- Có chức năng gọi trợ giúp		
	- Hiện thị trạng thái của máy		
	Khối dây máu bên ngoài		
	- Bơm máu động mạch: Tốc độ bơm: ≤ 15 đến ≥ 600 ml/phút đối với dây máu đường kính cỡ khoảng 8mm ($\pm 10\%$)		
	- Kiểm soát áp lực động mạch:		
	+ Khoảng hiển thị: Từ ≤ -300 mmHg đến $\geq +280$ mmHg: (± 10 mmHg)		
	- Kiểm soát áp lực tĩnh mạch:		
	+ Khoảng hiển thị: từ ≤ -60 mmHg đến $\geq +400$ mmHg (± 10 mmHg)		
	- Kiểm soát áp lực xuyên màng:		
	+ Khoảng hiển thị: từ ≤ -60 mmHg đến $\geq +500$ mmHg		
	- Phát hiện khí tĩnh mạch: Phát hiện bong bóng qua sóng siêu âm.		
	- Bơm Heparin:		
	+ Lưu lượng truyền: khoảng từ 0 đến ≤ 10 ml/giờ		
	+ Bolus: ≤ 10 ml /lần; Kích cỡ xy lanh: ≤ 30 ml.		

	-Khối thủy lực		
	- Tốc độ (lưu lượng) dịch lọc khoảng từ ≤ 300 đến ≥ 700 ml/phút;		
	- Nhiệt độ dịch lọc: Khoảng từ 33°C đến 40°C		
	- Độ dẫn điện của dịch lọc ở nhiệt độ 25°C : Khoảng 12.8-15.7 mS/cm (± 0.1 mS/cm)		
	- Nồng độ cho dịch Acetate hoặc dịch Acid (Acid dialysate)		
	- Tỷ lệ trộn dịch mặc định 1 + 34 hoặc tương đương		
	+ Khoảng thay đổi ≤ 125 đến ≥ 150 mmol/l		
	- Nồng độ Bicarbonate trong dịch lọc		
	+ Khoảng thay đổi: từ $\leq - 8$ đến $\geq + 8$ mmol/l bicarbonate		
	Dịch bicarbonate bột: Có thể phối hợp với Bột Bicarbonate		
	- Hệ thống lọc dịch thẩm phân để dịch thẩm phân trở nên siêu sạch khi đến màng lọc		
	- Độ cân bằng chính xác của dịch lọc $\leq \pm 0.1\%$ so với lưu lượng dịch lọc		
	- Siêu lọc: Tốc độ rút khoảng từ 0 đến ≤ 5000 ml/giờ ($\leq \pm 2\%$).		
	- Tương thích với hệ số UF của màng lọc: Không giới hạn		
	- Các thông số hiển thị tối thiểu: UF Goal, UF time, UF rate và UF volume (số ký cần rút, thời gian rút ký, tốc độ rút ký và số ký đã rút)		
	- Bộ phát hiện rò rỉ máu		
	- Độ nhạy khoảng 0,5 ml máu/phút (Hct = 25) với mức lưu lượng tối đa: 800ml/phút		
	- Tối thiểu có thể đo độ thanh thải trực tuyến (OCM)		
	- Độ chính xác của độ thanh thải $K \leq \pm 6\%$		
	Các chương trình rửa máy tối thiểu		
	- Rửa đơn thuần dùng nước RO nhiệt độ khoảng $37^{\circ}\text{C}/600$ ml/phút		
	- Rửa nhiệt (quay vòng) khoảng $84^{\circ}\text{C}/450$ ml/phút		
	- Rửa nhiệt kết hợp khoảng $84^{\circ}\text{C}/450$ ml/phút		
	- Rửa hóa chất diệt trùng nhiệt độ thường khoảng $37^{\circ}\text{C}/600$ ml/ phút		
	- Có thể liên kết nhiều chương trình với nhau		
2	HỆ THỐNG LỌC NƯỚC R.O DÙNG CHO MÁY CHẠY THẬN NHÂN TẠO	Hệ thống	1
I	Hệ thống lọc khử sắt, làm mềm, cặn		
1	Máy bơm nguồn (Cấp nước vào): Công suất: 2,2kw/380v/50Hz	Cái	2

2	Cột lọc đa cấp khử sắt, mangan, hữu cơ, màu công suất 4-4,5m ³ /h. Gồm: - Cột Composite chịu áp cao 2472. - Vật liệu lọc: cát thạch anh, Quặng Zeolít - Autovan sục rửa vật liệu - Bao gồm đường ống, van, phụ kiện chọn bộ bằng ống 304"	Bộ	1
3	Cột làm mềm khử cứng (Canxi) công suất 4-4,5m ³ /h, bao gồm - Cột Composite chịu áp cao 2472. Hạt nhựa trao đổi ion, Thùng muối Autovan sục rửa vật liệu - Bao gồm đường ống, van, phụ kiện chọn bộ bằng ống inox 304	Bộ	1
4	Cột lọc các bon khử Clo dư, màu công suất 4-4,5m ³ /h Gồm: - Cột Composite: chịu áp cao 2472; - Than hoạt tính - Autovan sục rửa vật liệu - Bao gồm đường ống, van, phụ kiện chọn bộ bằng ống 304	Bộ	2
5	Phin lọc 7 lõi - 20inch	Bộ	1
6	Bồn chứa nước sau hệ tiền lọc 2000 lít, Chất liệu Inox 304, dày 0,8mm"	Cái	1
II	Hệ thống RO (Thẩm thấu ngược) Màng siêu lọc		
1	Hệ thống tủ điều khiển		
2	Hệ thống màng lọc RO - (Gồm 08 màng; 01 bơm cao áp 4,0kw/380v/50Hz; đồng hồ đo áp lực nước; hệ thống van điều khiển - Việt Nam). Khung giá đỡ bằng inox 304 - Đường ống bằng ống van phụ kiện inox 304	Bộ	1
3	"Bồn Inox chứa nước sau RO 2000 lít, Inox 316 Thân bồn bằng Inox 316, chân bồn bằng inox 304. Thân bình dày 1,5mm, Đỉnh và đáy bình dày 2mm; Có bộ lọc khí		
II	Hệ thống khử vi sinh, cấp nước vào máy chạy thận nhân tạo		
1	"Đèn UV khử trùng - Bao gồm khung giá Inox 304, hộp 40x40"	Bộ	2
2	Lõi vi lọc + cốc đựng sau khử trùng 0,2 micron	Bộ	2
3	Bơm áp nước R/O vào máy thận : Công suất 0,75kw/220v/50Hz	Cái	2
4	Hệ thống đường ống nhựa uPVC cấp cho máy thận Phụ kiện: keo dán, băng tan, gen hộp nhựa... 01 đồng hồ áp Đường thải bang ống nhựa PVC	Bộ	1
III	Chậu rửa quả lọc bằng Inox 304 (5 cổng rửa) - KT: dài 1,6m x rộng 0,5m x cao 1,6m (chân cao 0,45m, chậu 0,35m, tấm inox treo ống cấp nước 0,8m)	Bộ	2

	- 5 Công rửa/1 lần rửa. - ống cấp bằng nhựa PVC , van khóa bằng Inox304.		
--	---	--	--

(Phụ lục 1.c)

3. Nồi hấp tiệt trùng trung tâm ruột khối hình trụ tròn cửa tay quay 300 lít

STT	Danh mục hàng hoá, Mô tả thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Nồi hấp tiệt trùng trung tâm ruột khối hình trụ tròn cửa tay quay 300 lít	Chiếc	01
	<p>1. Cầu cấu hình thiết bị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 bộ - Xe đẩy vật hấp: 01 bộ - Cấp nguồn 3 pha: 5 m - Dây nối đất: 01 cái - Dây nối đất: 01 cái <p>2. Thông số kỹ thuật</p> <p>2.1. Giới thiệu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng hơi nước bão hòa ở nhiệt độ cao để tiệt trùng các dụng cụ y tế ở dạng đóng gói và không đóng gói, dùng trong bệnh viện, phòng khám, viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm,... - Có các chương trình được cài đặt sẵn các thông số phù hợp với các vật liệu khác nhau. - Điều khiển bằng bộ vi xử lý cài đặt sẵn phần mềm có độ chính xác cao. - Giao diện với người dùng bằng bàn phím cơ và hiển thị các thông số thông qua màn hình LCD - Thiết bị được thiết kế hai buồng lồng ghép vào nhau: Buồng trong là buồng khử khuẩn, buồng ngoài là lớp áo nhiệt - Kiểu thiết bị: Nằm ngang một cửa hoặc hai cửa <p>2.2. Buồng khử khuẩn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung tích 300 lít - Vật liệu Inox SUS 304 dày 5mm - Lớp áo nhiệt dày 5mm - Có lớp bảo ôn cách nhiệt bằng bông khoáng dày 8cm - Áp suất làm việc từ (1,05 kg/cm² đến 2,2 kg/cm²) - Dải nhiệt độ làm việc buồng khử khuẩn từ 105°C đến 134°C - Có đồng hồ đo áp suất riêng biệt 		

2.3. Buồng sinh hơi:

- Dung tích 60 lít
- Vật liệu INOX SUS 304 dày 5 mm
- Có lớp bọc bông khoáng thủy tinh 8cm
- Áp suất làm việc từ $2,5 \text{ kg/cm}^2$ đến $3,5 \text{ kg/cm}^2$
- Công suất điện tiêu thụ cho bộ sinh hơi:
- Công suất sinh hơi: 20 kg/giờ
- Cung cấp nước tự động hoàn toàn
- Có cảm biến báo cạn trong buồng sinh hơi
- Có bẫy canxi để làm tăng tuổi thọ thanh đốt
- Buồng sinh hơi có bảo ôn tăng hiệu quả của thiết bị tránh tổn thất nhiệt
- Có đồng hồ đo và điều khiển áp suất
- Có đồng hồ đo và bảo vệ quá áp suất
- Có đồng hồ đo và chỉ thị áp suất
- Tự động phát hiện thiếu nước và tự động cung cấp nước kể cả trong trường hợp bình sinh hơi đang có áp lực cao
- Tự động chuyển hơi nước bão hòa thành nước trước khi xả ra bên ngoài, hiệu suất đạt $\geq 95\%$
- Hệ thống van tích hợp trong thiết bị được điều khiển bằng khí nén và điện từ

2.4. Hệ thống cửa

- Cửa tay quay
- Làm bằng vật liệu SUS304
- Gioăng cửa làm bằng Silicon đặc chịu nhiệt và độ bền cao
- Tuổi thọ của gioăng cửa ≥ 3 năm hoặc ≥ 5.000 chu trình

2.5. Hệ thống làm khô bằng máy hút chân không:

- Lưu lượng hút chân không: 880 lít/phút
- Lưu lượng nước cung cấp : 19 lít/phút
- Loại máy hút chân không: là loại vòng nước có van điều chỉnh áp lực nước
- Áp lực hút chân không: - (0,5 đến 0,9) kgf/cm^2
- Công suất hút chân không: 1,5 kW;

2.6. Máy nén khí

- Loại không dầu
- Công suất: 0,55 kW
- Áp lực nén khí từ: 4,5 đến 8 kg/cm^2
- Có đồng hồ đo áp lực và van an toàn tích hợp
- Tự động xả nước thừa trong bình khí nén sau mỗi mẻ khử khuẩn

2.7. Máy bơm nước áp lực cao cung cấp nước tự động

- Công suất bơm: 0,75 kW
- Lưu lượng: 12 lít/phút
- Nguồn điện cung cấp cho thiết bị: 3 pha 220/380V, 50Hz

2.8. Giá đựng đồ hấp đẩy vào buồng khử khuẩn:

- Làm bằng Inox SUS 304, sản xuất chính hãng đồng bộ với thiết bị.
- Có 4 bánh xe chịu nhiệt; đồng bộ với xe đẩy và ray trong buồng khử khuẩn
- Xe đẩy giá đựng đồ hấp: Làm bằng Inox SUS 304, sản xuất chính hãng đồng bộ giá đựng đồ hấp, có ray trượt khớp với bánh xe của giá đựng đồ hấp.

2.9. Hệ thống điều khiển

- Hệ thống điều khiển tự động bằng bộ vi xử lý trung tâm
- Đóng cắt thanh gia nhiệt bằng thyristor
- Thời gian hấp tiệt trùng: 0 ÷ 180 phút
- Thời gian sấy: 0 ÷ 180 phút
- Độ hút chân không: $-(0,5 \div 0,9) \text{ kg/cm}^2$
- Chương trình giám sát kép: Bộ điều khiển kết hợp giám sát nhiệt độ, áp suất cho các kết quả kiểm tra chéo chính xác, người sử dụng có thể giám sát bằng thông số nhiệt độ trên màn hình LCD và thông số áp suất qua đồng hồ áp suất
- Số chương trình cài đặt sẵn tự động : 5 chương trình
- Số chương trình tự chọn: 1 chương trình
- P1: nhiệt độ hấp: 121⁰C; Thời gian hấp tiệt trùng: 10 phút; Thời gian sấy khô: 10 phút
- P2: nhiệt độ hấp: 132⁰C; Thời gian hấp tiệt trùng: 8 phút; Thời gian sấy khô: 10 phút
- P3: nhiệt độ hấp: 121⁰C; Thời gian hấp tiệt trùng: 15 phút; Thời gian sấy khô: 0 phút
- P4: nhiệt độ hấp: 121⁰C; Thời gian hấp tiệt trùng: 15 phút; Thời gian sấy khô: 10 phút
- P5: nhiệt độ hấp: 134⁰C; Thời gian hấp tiệt trùng: 10 phút; Thời gian sấy khô: 10 phút
- PU: chương trình do người sử dụng cài đặt; Nhiệt độ hấp từ 105⁰C – 134⁰C; thời gian hấp từ 0 – 180 phút; Thời gian sấy: 0 – 180 phút (Mặc định: nhiệt độ hấp 127⁰C, thời gian hấp tiệt trùng 10 phút, thời gian sấy khô 10 phút)

2.10. IC điều khiển

- Kiểu bộ nhớ chương trình: Flash
- Dung lượng bộ nhớ chương trình: 32K bytes
- Bộ nhớ dữ liệu SRAM: 1536 bytes
- Bộ nhớ dữ liệu EEPROM: 256 bytes

2.11. Màn hình hiển thị LCD

- Loại màn hình: STN/FSTN
- Định dạng hiển thị: 20x4 ký tự
- Kích thước đường chéo: 5.1 inch

2.12. Các thông số được hiển thị trên màn hình

- Chương trình chạy
- Nhiệt độ trong buồng khử khuẩn
- Thời gian hấp tiệt trùng
- Thời gian sấy khô
- Ngày, tháng, năm theo thời gian thực
- Giờ, phút, giây theo thời gian thực
- Các thông báo lỗi

2.13. Máy in nhiệt

- Số ký tự trên 1 hàng: 42
- Độ phân giải $\geq 203\text{dpi}$, 8 dots/mm
- Độ rộng khổ in: 48mm (384 dots)
- Tốc độ in: 50mm/giây

2.14. Các thông số được in qua máy in nhiệt

- Model sản phẩm:
- Số sê ri của máy:
- Thời gian bắt đầu hoạt động
- Thời gian thực hiện các chu trình khử khuẩn
- Thời gian, nhiệt độ, áp suất trong giai đoạn tiệt trùng (In gián đoạn mỗi lần in cách nhau 1 khoảng thời gian)
- Hệ số thay đổi nhiệt độ trung bình trong thời gian khử khuẩn (Ft).
- Hệ số thay đổi áp suất trung bình trong quá trình khử khuẩn (Fp).
- Kết quả mẻ khử khuẩn: Đạt hoặc không đạt.

2.15. Cảm biến áp suất

- Dải đo: $-1 \div 5 \text{ kg}$
- Độ chính xác: 0,5%FS

2.16. Cảm biến nhiệt độ

- Kiểu cảm biến: PT100, tiêu chuẩn class A
- Vật liệu vỏ cảm biến bằng inox SUS 304 đúc nguyên khối
- Hệ số Alpha 3,850 ppm/K

3. Môi trường làm việc và bảo quản thiết bị

- Môi trường làm việc: -10 đến 50°C
- Độ ẩm: 0-85% (không ngưng tụ)
- Nguồn điện: 380V/220V-50Hz

4. Chức năng an toàn của thiết bị:

- Cửa buồng khử khuẩn chưa đóng hoặc đóng chưa đúng: Hiển thị trên màn hình, thiết bị dừng hoạt động
- Thiếu nước trong bình sinh hơi: Hiển thị trên màn hình, Có cảnh báo bằng đèn trên mạch điện điều khiển và tự động ngừng sinh hơi
- Thiếu nước cung cấp cho bình sinh hơi: Hiển thị trên màn hình và có cảnh báo bằng đèn trên mạch điện điều khiển
- Thiếu nước cung cấp cho thiết bị hút chân không: Hiển thị trên màn hình và có cảnh báo bằng đèn trên mạch điện điều khiển

	<ul style="list-style-type: none">- Quá tải máy hút chân không: Có role nhiệt bảo vệ- Mất pha, đảo pha, điện áp nguồn quá thấp: Thiết bị tự động bảo vệ và dừng hoạt động- Áp suất buồng sinh hơi vượt quá ngưỡng cho phép theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: Van an toàn cơ học sẽ tự động mở- Áp suất buồng khử khuẩn vượt quá ngưỡng cho phép theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: Van an toàn cơ học sẽ tự động mở- Thiết bị tự động kết thúc khi hoàn thành chương trình hấp và áp suất trong buồng ở mức an toàn $\pm 0,1\text{kgf/cm}^2$- Có nút thoát khẩn cấp - bằng điện (Emergency)		
--	--	--	--

PHỤ LỤC 2

Mẫu báo giá

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá/

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ...[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.